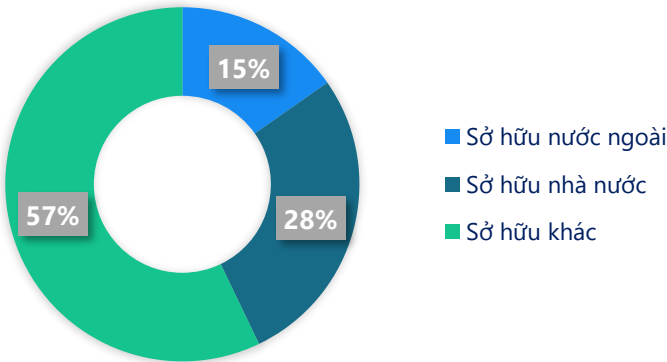


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,580
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,450
SL cổ phiếu LH		7,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120
% sở hữu nước ngoài		15.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		67
P/E		-20.2
EPS		-425

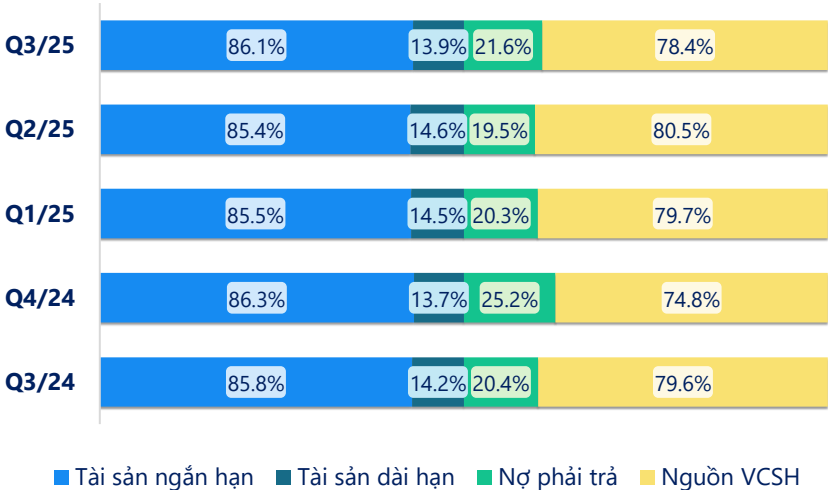
	YTD	1T	3T	6T
HAS	7.3%	10.0%	14.4%	5.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



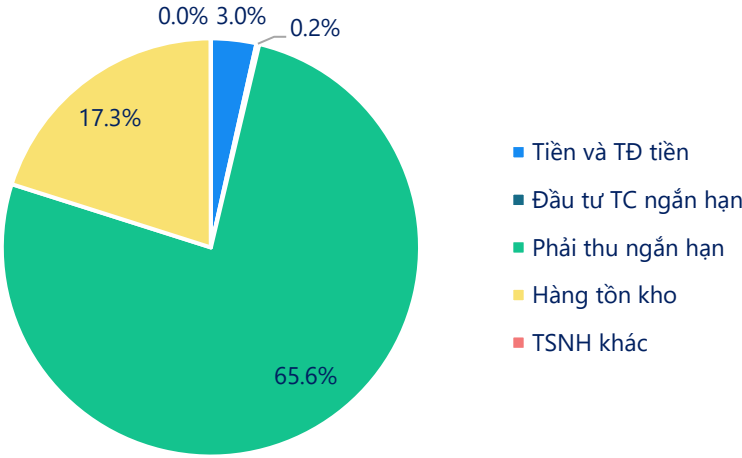
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



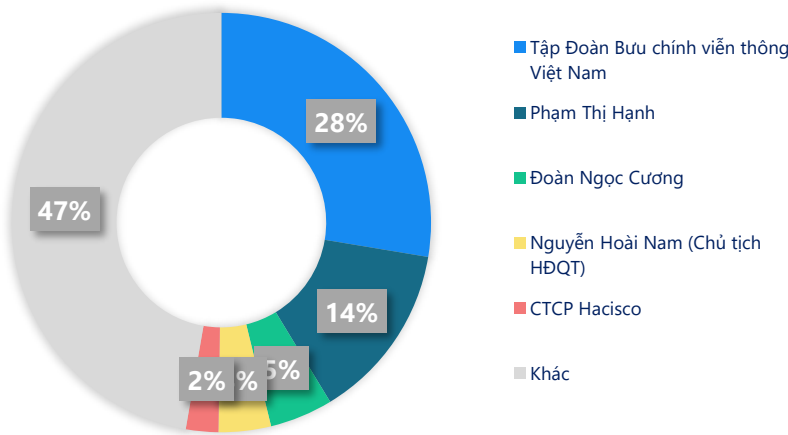
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



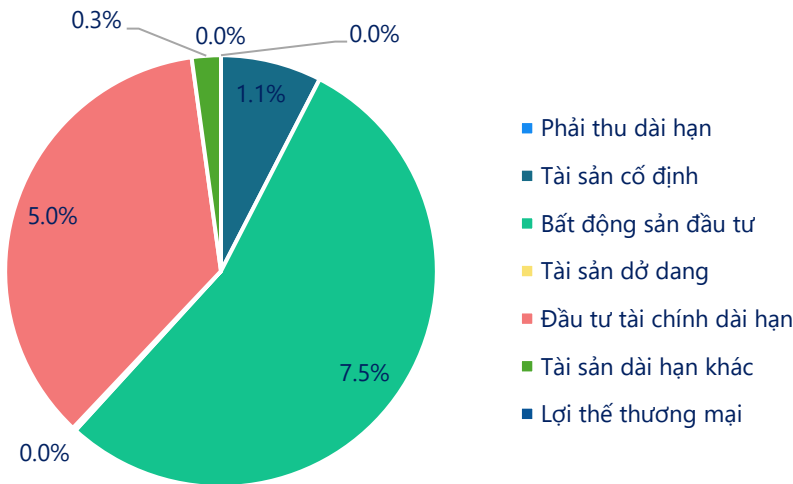
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

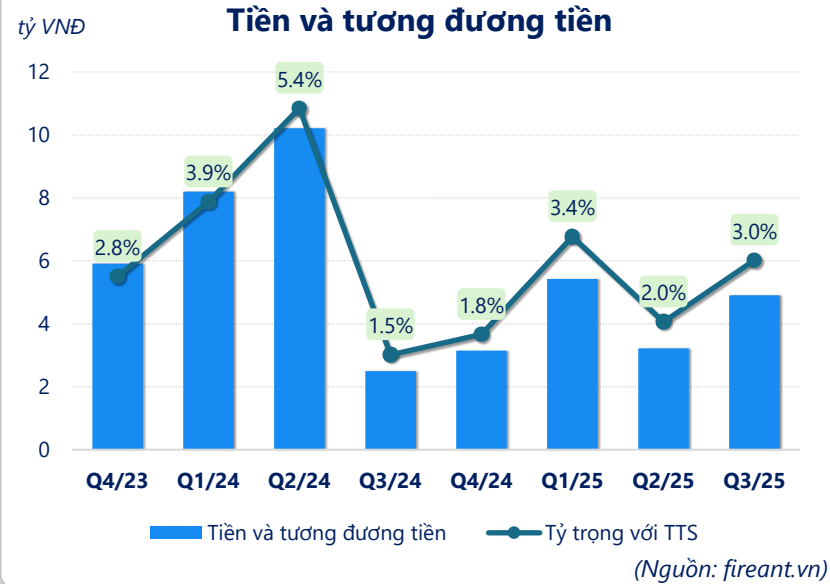
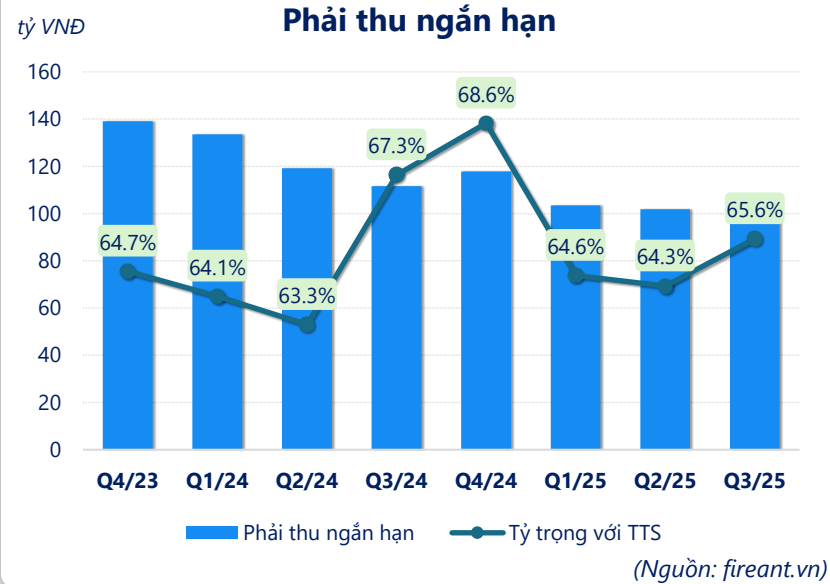
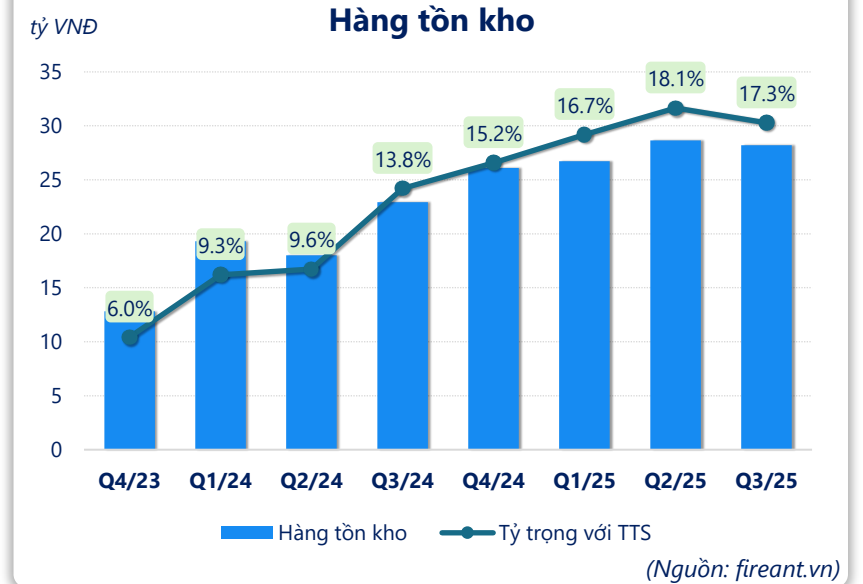
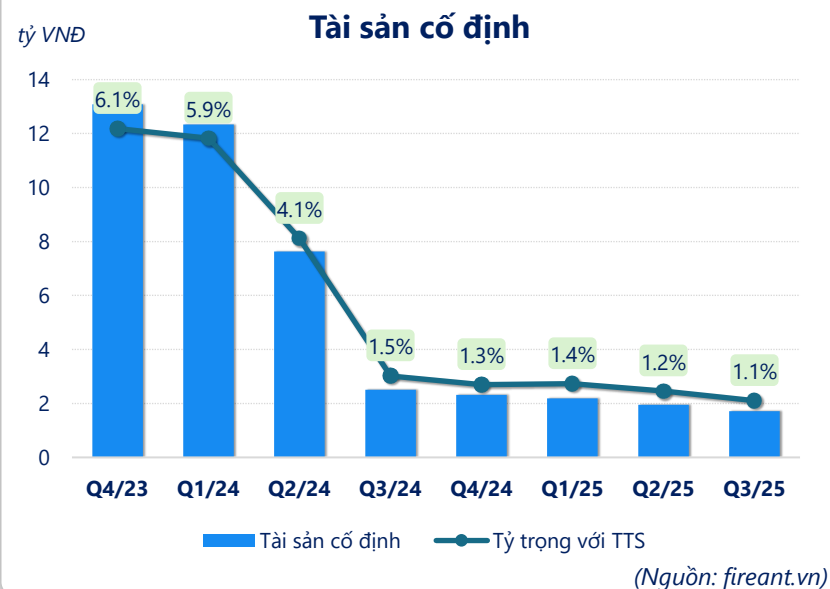
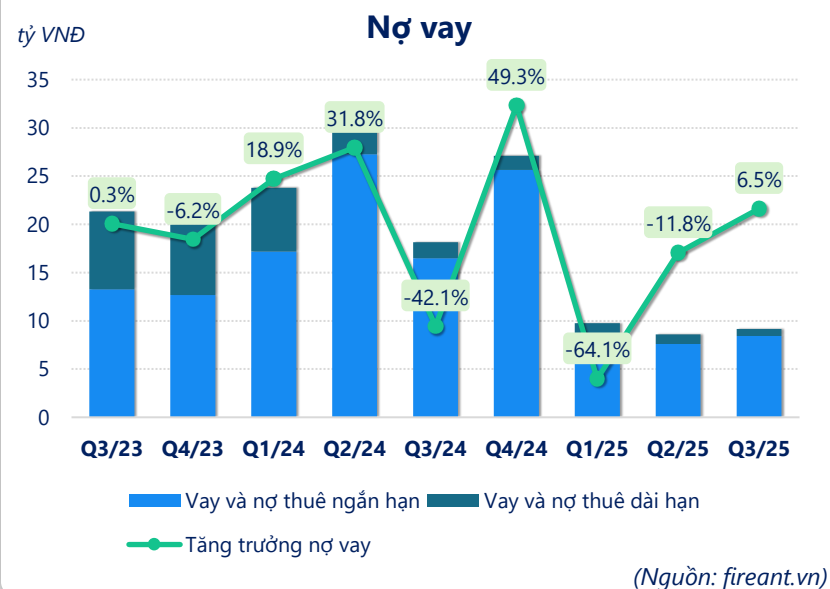
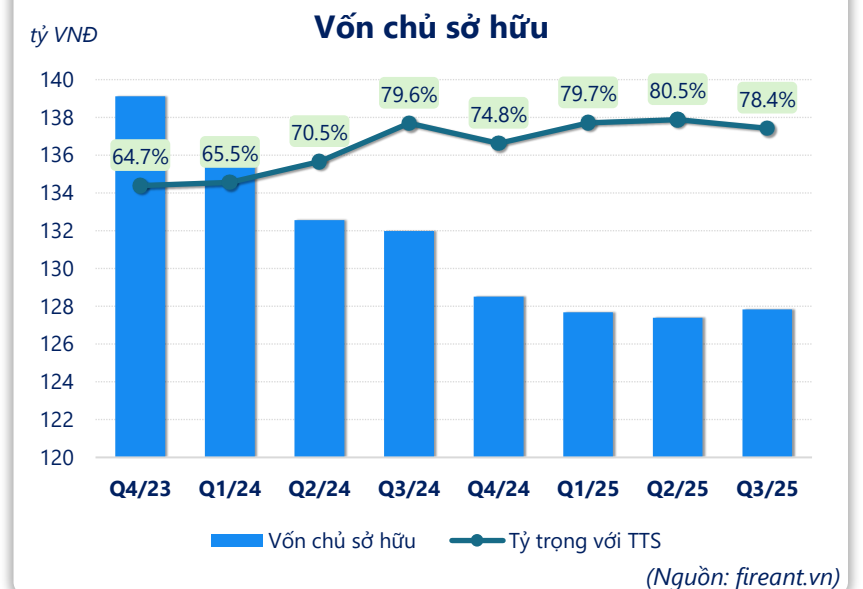


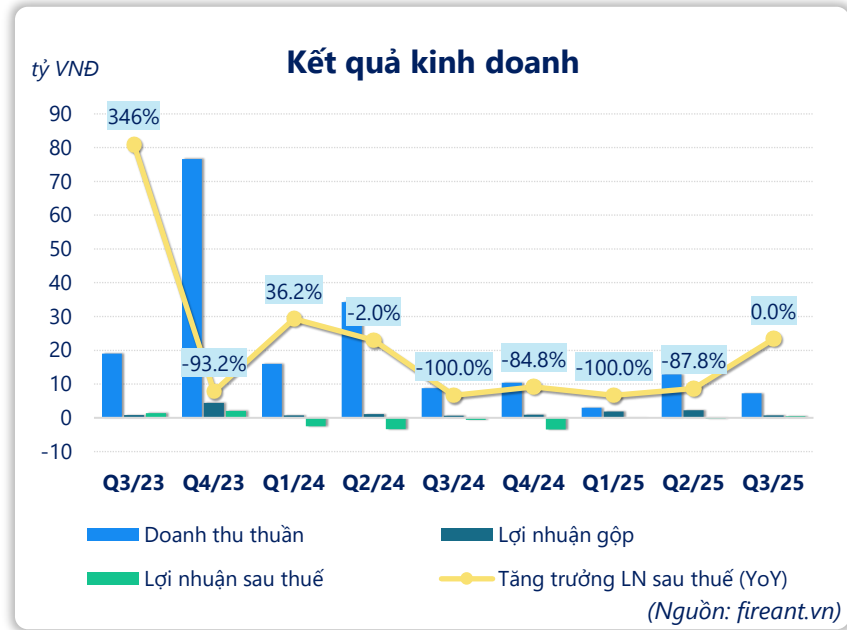
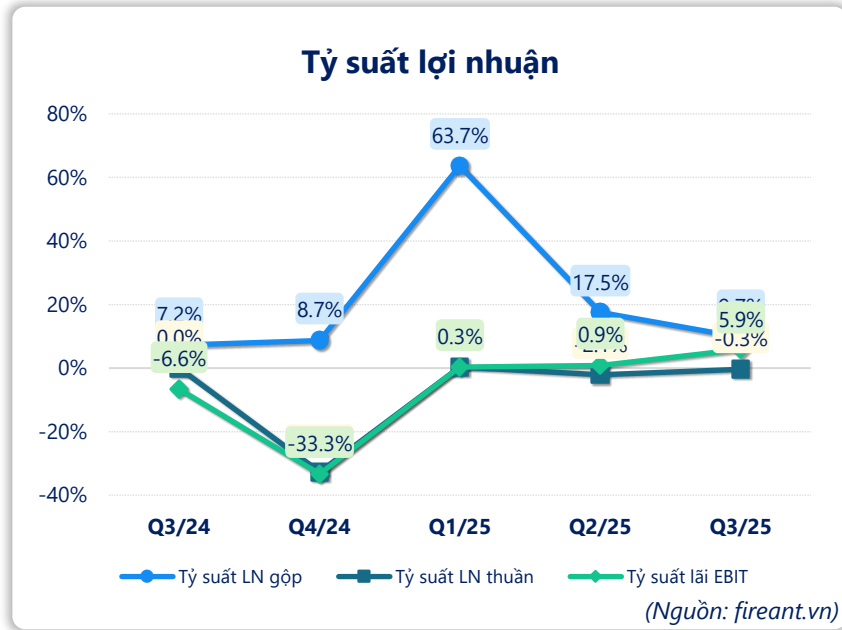
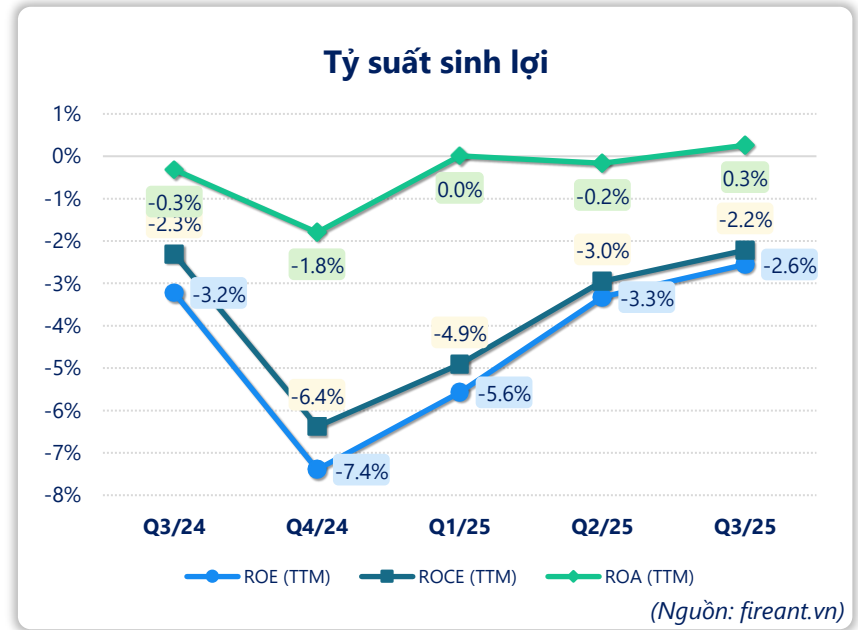
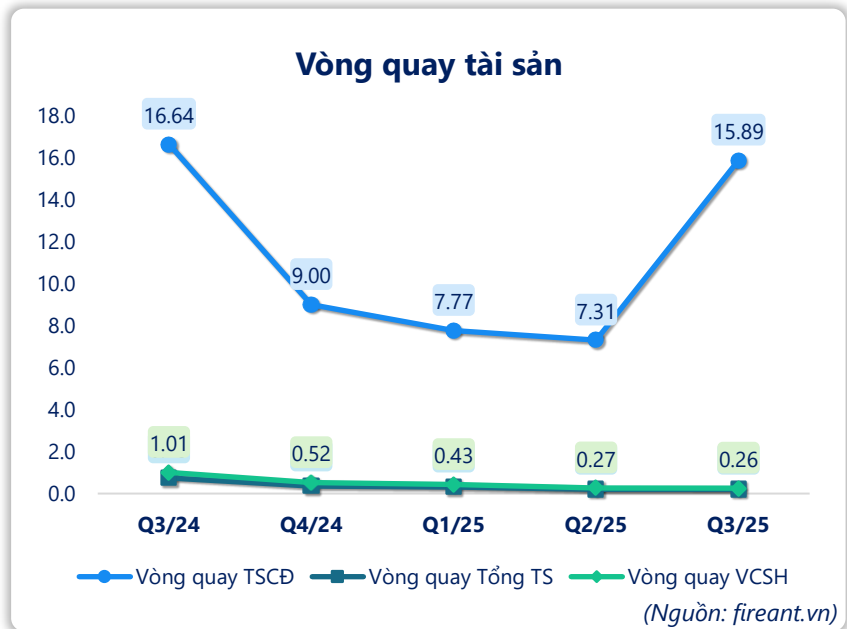
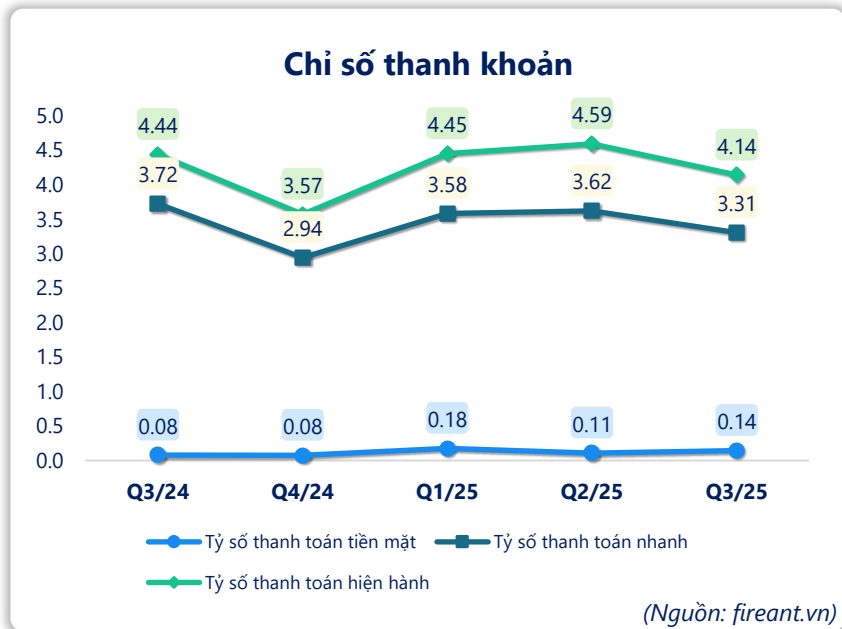
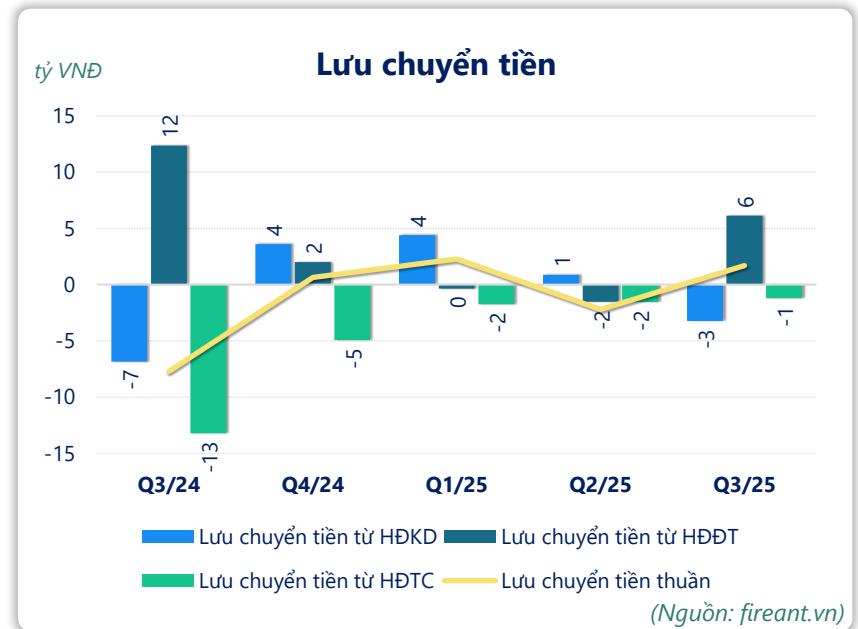
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	163	156	4.7%
Tài sản ngắn hạn	140	132	6.2%
Tiền và tương đương tiền	4.91	3.14	56.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.31	1.07	-70.6%
Phải thu ngắn hạn	107	103	4.1%
Hàng tồn kho	28.2	25.2	11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-39.7%
Tài sản dài hạn	22.7	23.5	-3.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.71	2.32	-26.0%
Bất động sản đầu tư	12.3	12.9	-4.8%
Tài sản dở dang	0.06	0.06	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.11	8.11	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.49	0.13	280%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.2	28.0	25.6%
Nợ ngắn hạn	33.9	26.3	29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.43	10.4	-19.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.30	4.86	9.0%
Nợ dài hạn	1.25	1.72	-27.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.72	1.46	-50.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	128	128	0.1%
Vốn chủ sở hữu	128	128	0.1%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	8.78	10.4	2.98	12.9	7.27
Giá vốn hàng bán	8.15	9.49	1.08	10.6	6.56
Lợi nhuận gộp	0.64	0.91	1.90	2.25	0.71
Doanh thu HĐTC	1.72	0.10	0.00	0.28	2.10
Chi phí TC	0.55	0.39	0.07	0.19	0.17
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.39	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.80	4.01	1.82	2.62	2.66
LN thuần từ HĐKD	0.00	-3.40	0.01	-0.27	-0.02
Lợi nhuận khác	-0.58	-0.07	0.00	0.00	0.45
LN trước thuế	-0.58	-3.46	0.01	-0.27	0.43
Lợi nhuận sau thuế	-0.58	-3.47	0.01	-0.28	0.43
LNST của CĐ cty mẹ	-0.58	-3.47	0.01	-0.28	0.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.83	3.59	4.39	0.87	-3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.3	1.99	-0.36	-1.53	6.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.2	-4.94	-1.76	-1.55	-1.22
Tiền đầu kỳ	10.2	2.50	3.14	5.42	3.21
Lưu chuyển tiền thuần	-7.71	0.64	2.28	-2.21	1.69
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.50	3.14	5.42	3.21	4.91

(Nguồn: fireant.vn)